TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 29-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Vũ Văn Tuân
Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Hữu Tỷ và ông Lý Văn Hòe.
- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Duy Cường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST-DS ngày 11/9/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Thành N – Phó Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019); địa chỉ: số 33 H, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị T vay Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông (gọi tắt là Ngân hàng) 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LD1726400072 ngày 21/9/2017 và hợp đồng cho vay số LD18267000043 ngày 03/10/2018; giấy nhận nợ số 02/LD18267000043 ngày 03/10/2018; thời hạn vay là 12 tháng, đáo hạn ngày

03/10/2019. Để đảm bảo cho khoản vay ông L, bà T thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 01 tờ bản đồ trích đo năm 2015 có diện tích 15.987,7m^2 có giấy chứng nhận QSDĐ số CD 571746 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/5/2016 mang tên bà Nguyễn Thị T; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 541/17/TC ngày 26/9/2017 được công chứng tại Phòng công chứng Võ Thị Mỹ N và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ. Tính đến ngày 03/10/2019 ông L, bà T phải trả tổng cộng là 559.950.685 đồng, trong đó 500.000.000 đồng tiền gốc và 59.950.685 đồng tiền lãi; đã trả được 60.000.000 đồng tiền gốc và 156.738 đồng tiền lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ 440.000.000 đồng tiền gốc và 144.713.729 đồng tiền lãi, trong đó lãi trong hạn là 112.442.714 đồng, lãi quá hạn đối với nợ gốc 26.324.384 đồng và lãi quá hạn đối với dư nợ lãi là 5.946.931 đồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L, bà T phải thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng. Trường hợp ông L, bà T không trả được nợ Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn nhưng ông L, bà T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên thể hiện Ngân hàng có cho ông L, bà T vay 500.000.000 đồng, ông L, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn nên Ngân hàng được quyền yêu cầu ông L, bà T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ; Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông L, bà T còn nợ Ngân hàng 440.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh nên buộc ông L, bà T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên. Trường hợp không trả được nợ Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông L, bà T phải trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"; ông L, bà T trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông (địa chỉ theo hợp đồng tín dụng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số LD1726400072 ngày 21/9/2017 và hợp đồng cho vay số LD18267000043 ngày 03/10/2018 giữa Ngân hàng và ông L, bà T hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội đúng theo quy định tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015; ông L, bà T đã nhận 500.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả ngày 03/10/2019; trong thời gian thực hiện hợp đồng ông L, bà T đã thanh toán được 60.000.000 đồng tiền gốc và 156.738 đồng tiền lãi; ông L, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn nên Ngân hàng có quyền yêu cầu ông L, bà T phải trả toàn bộ số nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông L, bà T còn nợ Ngân hàng 440.000.000 đồng tiền gốc và 144.713.729 đồng tiền lãi, trong đó lãi trong hạn là 112.442.714 đồng, lãi quá hạn đối với nợ gốc 26.324.384 đồng và lãi quá hạn đối với dư nợ lãi là 5.946.931 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với 440.000.000 đồng tiền gốc và 144.713.729 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận. Kể từ ngày 30/9/2020 trở đi ông L, bà T tiếp tục phải chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3]. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 541/17/TC ngày 26/9/2017 được công chứng tại Phòng công chứng Võ Thị Mỹ Nc và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 26/9/2017 giữa Ngân hàng và ông L, bà T là đúng theo quy định tại Điều 317 và khoản 4 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, trường hợp ông L, bà T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng số 541/17/TC ngày 26/9/2017 và Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng số 541/17/TC ngày 26/9/2017 thể hiện ông L, bà T thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01 tờ bản đồ trích đo năm 2015 có diện tích 15.987,7m^2 có giấy chứng nhận QSDĐ số CD 571746 do UBND huyện Đắk Glong cấp ngày 06/5/2016 mang tên bà Nguyễn Thị T và tài sản gắn liền trên đất. Theo sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2020 thể hiện diện tích đất thực tế của thửa đất số 01 tờ bản đồ trích đo năm 2015 là 15.220,5m^2 và tài sản gắn liền trên đất gồm: 1.772 cây cà phê vối kinh doanh trên 06 năm và 03 cây bơ thực sinh từ 04 năm trở lên. Vì vậy, trường hợp ông L, bà T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với thửa đất số 01 tờ bản đồ trích đo năm 2015 theo diện tích thực tế là 15.220,5m^2 và tài sản gắn liền trên đất nêu trên để thu hồi nợ.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông L, bà T phải chịu số tiền 5.000.000 đồng, trong đó chi phí đo đạc là 2.503.935 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khác là 2.496.065 đồng; Ngân hàng đã chi trả các chi phí nên ông L, bà T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền trên.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông L, bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 27.388.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 117, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng 584.713.729 (*năm trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm mười ba nghìn bảy trăm hai mươi chín*) đồng, trong đó tiền gốc là 440.000.000 (*bốn trăm bốn mươi triệu*) đồng, tiền lãi là 144.713.729 (*một trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm mười ba nghìn bảy trăm hai mươi chín*) đồng.

2. Kể từ ngày 30/9/2020 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1726400072 ngày 21/9/2017 và hợp đồng cho vay số LD18267000043 ngày 03/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông L, bà T không trả được nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với diện tích 15.220,5m^2 thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ trích đo năm 2015 có giấy chứng nhận QSDĐ số CD 571746 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/5/2016 mang tên bà Nguyễn Thị T và tài sản gắn liền trên đất để thu hồi nợ gồm: 1.772 cây cà phê vối và 03 cây bơ

thực sinh.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng T 5.000.000 (*năm triệu*) đồng phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 27.388.500 (*hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng T 10.331.000 (*mười triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn*) đồng theo biên lai số 0000521 ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân